TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2024
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Phú Hữu

Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Phan Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 585/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số Z, Tổ L, ấp T, xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Dương Văn M, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số Z, đường Đ, Tổ H, ấp T, xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có mặt, anh M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2024, nguyên đơn Trần Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M kết hôn vào năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường bất đồng ý kiến, quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân, anh Mỡ không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2011 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn tình cảm với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Trần Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 02/8/2009. Hiện nay, con chung Trần Thị Anh T đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Anh T. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có yêu cầu nào khác, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Anh Dương Văn M vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Anh Dương Văn M có văn bản trình bày ý kiến thống nhất với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý; về con chung anh thống nhất theo yêu cầu của chị H; về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu toà án giải quyết và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung với anh Dương Văn M, như vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con" theo quy định tại Điều 51, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn, nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn anh Dương Văn M có địa chỉ tại xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh

theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Dương Văn M chung sống với nhau từ năm 2008 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Như vậy, theo quy định pháp luật thì hôn nhân giữa chị H và anh M không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này". Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị Ngọc H và anh Dương Văn M là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Dương Văn M có 01 con chung, tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 02/8/2009. Hiện nay, con chung Trần Thị Anh T đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Anh T. Chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M thống nhất với yêu cầu của chị H về con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị H và anh M không sống chung đến nay con chung đều sống chung và gần gũi với chị H ổn định thời gian dài, phát triển tốt về mọi mặt. Đồng thời, con chung Trần Thị Anh T có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là chị Trần Thị Ngọc H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, tiếp tục giao con chung Trần Thị Anh T, sinh ngày

02/8/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Mỡ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Ngọc H và anh Dương Văn M là vợ chồng.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Ngọc H. Chị Trần Thị Ngọc H và anh Dương Văn M có một con chung, tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 02/8/2009; giao con chung tên Trần Thị Anh T, sinh ngày 02/8/2009 cho chị Trần Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con chung đang sống chung với chị Trần Thị Ngọc H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012750 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Chị Trần Thị Ngọc H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con.

Anh Dương Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con.

Chị Trần Thị Ngọc H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; anh Dương Văn M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Thanh Thảo